

Số: 394/QĐ-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận trúng tuyển liên thông trình độ đại học
hình thức chính quy và vừa làm vừa học đợt 03 tháng 06 năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT và Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 sửa đổi các Khoản 3, 4, 5 (Điều 3) Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-ĐHNLBG ngày 27/12/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành Quy định tuyển sinh, đào tạo liên thông trình độ đại học;

Căn cứ biên bản của Hội đồng tuyển sinh ngày 14/06/2022 về việc xét công nhận trúng tuyển liên thông trình độ đại học đợt 03 tháng 06 năm 2022;

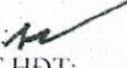
Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận thí sinh trúng tuyển liên thông trình độ đại học hình thức chính quy và vừa làm vừa học đợt 03 tháng 06 năm 2022.

(Có danh sách thí sinh theo ngành và hình thức đào tạo kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận: 
- BGH, CT HĐT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Mai Thị Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC CHÍNH QUY VÀ VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 03 THÁNG 06 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 394/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 20 tháng 06 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm xét tuyển	Ngành đăng ký xét tuyển	Hình thức đăng ký xét tuyển
1, Liên thông Cao đẳng - Đại học							
1	1	Võ Thị Nguyễn Hồng Quyên	15/07/2000	Nữ	8.1	Bảo vệ thực vật	VLVH
2	2	Lê Bá Nhuận	10/12/2000	Nam	7.7	Bảo vệ thực vật	VLVH
3	3	Trần Thị Kiều Oanh	31/05/1988	Nữ	7.7	Bảo vệ thực vật	VLVH
4	4	Nguyễn Công Trạng	18/06/2020	Nam	7.4	Bảo vệ thực vật	VLVH
5	5	Nguyễn Hoàng Ngân	04/04/1995	Nữ	7.1	Bảo vệ thực vật	VLVH
6	6	Võ Trọng Nguyễn	11/10/1999	Nam	7.1	Bảo vệ thực vật	VLVH
7	7	Nguyễn Tấn Hưng	18/11/1999	Nam	7.0	Bảo vệ thực vật	VLVH
8	8	Nguyễn Hữu Phước	22/09/2000	Nam	7.0	Bảo vệ thực vật	VLVH
9	9	Đặng Võ Thanh Trúc	17/05/1996	Nam	7.0	Bảo vệ thực vật	VLVH
10	10	Lê Tiến Dũng	11/09/2000	Nam	6.6	Bảo vệ thực vật	VLVH
11	11	Đinh Nhân Thiện	24/01/1994	Nam	6.3	Bảo vệ thực vật	VLVH
12	12	Trần Anh Huy	26/03/1995	Nam	6.3	Bảo vệ thực vật	VLVH
13	13	Võ Minh Hiếu	05/01/2000	Nam	6.2	Bảo vệ thực vật	VLVH
14	14	Đinh Hoàn Thành	28/09/1996	Nam	5.9	Bảo vệ thực vật	VLVH
15	15	Nguyễn Thị Hằng	20/07/1991	Nữ	7.5	Kế toán	Chính quy
16	16	Nghiêm Thị Nhung	01/03/1990	Nữ	7.1	Kế toán	Chính quy
17	17	Trần Lê Tùng	05/02/1987	Nam	7.0	Kế toán	Chính quy
18	18	Nguyễn Nhật Linh	13/05/1983	Nam	5.9	Kế toán	Chính quy
19	19	Hoàng Văn Xuân	10/05/1971	Nam	8.2	Khoa học cây trồng	Chính quy
20	20	Nông Quốc Dũng	06/11/1979	Nam	8.1	Khoa học cây trồng	Chính quy
21	21	Nguyễn Đăng Thái	15/01/1975	Nam	7.8	Khoa học cây trồng	Chính quy
22	22	Hoàng Hữu Thọ	25/02/1990	Nam	7.7	Khoa học cây trồng	Chính quy
23	23	Chè Huy Vũ	16/02/2000	Nam	7.1	Khoa học cây trồng	VLVH
24	24	Nguyễn Văn Hùng	03/10/1984	Nam	7.6	Quản lý đất đai	VLVH
25	25	Phan Thị Ngọc Dung	29/11/1987	Nữ	7.4	Quản lý đất đai	VLVH
26	26	Huỳnh Nguyễn Nhựt Anh	13/10/1989	Nam	7.1	Quản lý đất đai	VLVH
27	27	Võ Thành Đạt	29/08/1995	Nam	7.0	Quản lý đất đai	VLVH
28	28	Lê Thị Thương	16/08/1993	Nữ	6.9	Quản lý đất đai	VLVH
29	29	Phạm Thị Nguyên Thảo	15/12/1997	Nữ	6.7	Quản lý đất đai	VLVH
30	30	Phạm Thị Hoàng Yến	12/08/1994	Nữ	6.7	Quản lý đất đai	VLVH
31	31	Huỳnh Tấn Long	22/04/1994	Nam	6.6	Quản lý đất đai	VLVH
32	32	Nguyễn Thanh Sơn	10/10/1995	Nam	6.1	Quản lý đất đai	VLVH
33	33	Phạm Văn Hiệp	02/09/1992	Nam	6.0	Quản lý đất đai	VLVH
34	34	Đinh Thị Hải	03/03/1993	Nữ	6.0	Quản lý đất đai	VLVH
35	35	Trần Ngọc Huê	23/03/1997	Nữ	8.5	Thú y	Chính quy

TT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm xét tuyển	Ngành đăng ký xét tuyển	Hình thức đăng ký xét tuyển
36	36	Trần Đình Sơn	14/11/2000	Nam	7.7	Thú y	Chính quy
37	37	Bùi Văn Hiếu	06/09/2000	Nam	7.6	Thú y	Chính quy
38	38	Trần Văn Minh	17/02/1990	Nam	7.6	Thú y	Chính quy
39	39	Lê Đức Luyện	07/05/1996	Nam	7.5	Thú y	Chính quy
40	40	Nguyễn Tiến Dũng	25/04/1984	Nam	7.4	Thú y	Chính quy
41	41	Đỗ Văn Trường	22/11/1995	Nam	7.4	Thú y	Chính quy
42	42	Hoàng Thị Thu Hiền	06/06/2000	Nữ	7.4	Thú y	Chính quy
43	43	Đỗ Văn Trường	18/10/1987	Nam	6.9	Thú y	Chính quy
44	44	Đàm Quang Hưng	28/10/1996	Nam	6.8	Thú y	Chính quy
45	45	Nguyễn Thị Út Quyên	28/11/1978	Nữ	6.6	Thú y	Chính quy
46	46	Phạm Thừa Tiến	24/11/1997	Nam	6.5	Thú y	Chính quy
47	47	Bùi Quang Nghiệp	06/05/1997	Nam	6.4	Thú y	Chính quy
48	48	Nguyễn Quán Sự	08/01/1998	Nam	6.1	Thú y	Chính quy

2, Liên thông trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học

49	1	Nguyễn Cần	28/10/1996	Nam	8.1	Bảo vệ thực vật	VLVH
50	2	Bùi Minh Tâm	1992	Nam	7.8	Bảo vệ thực vật	VLVH
51	3	Trần Trung Hậu	05/10/1990	Nam	7.5	Bảo vệ thực vật	VLVH
52	4	Điền Huỳnh Tuệ Nam	23/10/1999	Nữ	7.4	Bảo vệ thực vật	VLVH
53	5	Dương xuân Hoàng	17/04/1988	Nam	7.1	Bảo vệ thực vật	VLVH
54	6	Mai Linh Khá	10/05/1990	Nam	7.0	Bảo vệ thực vật	VLVH
55	7	Trịnh Minh Hòa	19/10/1995	Nam	6.6	Bảo vệ thực vật	VLVH
56	8	Lê Nhật Quang	25/04/1996	Nam	6.6	Bảo vệ thực vật	VLVH
57	9	Trịnh Minh Thuận	20/04/1992	Nam	6.6	Bảo vệ thực vật	VLVH
58	10	Trần Minh Triết	19/09/1994	Nam	6.5	Bảo vệ thực vật	VLVH
59	11	Lê Võ Thái Châu	15/11/1976	Nữ	6.4	Bảo vệ thực vật	VLVH
60	12	Nguyễn Thanh Tuấn	25/11/1987	Nam	6.3	Bảo vệ thực vật	VLVH
61	13	Nguyễn Trọng Vinh	05/11/1976	Nam	6.2	Bảo vệ thực vật	VLVH
62	14	Đào Xuân Long	23/06/1983	Nam	5.9	Bảo vệ thực vật	VLVH
63	15	Nguyễn Huy Hoàng	31/08/1993	Nam	6.7	Kế toán	Chính quy
64	16	Nguyễn Mai Hương	07/02/1998	Nữ	7.7	Quản lý đất đai	VLVH
65	17	Vũ Trung Thành	12/09/1988	Nam	7.5	Quản lý đất đai	Chính quy
66	18	Bùi Thị Hường	20/05/1986	Nữ	7.4	Quản lý đất đai	Chính quy
67	19	Phạm Thị Hạ Vy	22/06/1999	Nữ	7.4	Quản lý đất đai	VLVH
68	20	Nguyễn Quang Phúc	10/03/1987	Nam	7.2	Quản lý đất đai	Chính quy
69	21	Hồ Thị Thúy Nhanh	04/05/1986	Nữ	7.2	Quản lý đất đai	VLVH
70	22	Vũ Hoàng Phi Long	14/02/1994	Nam	6.8	Quản lý đất đai	VLVH
71	23	Phạm Đào Thảo Vy	03/01/1997	Nữ	6.6	Quản lý đất đai	VLVH
72	24	Vũ Hoàng Anh	23/12/1990	Nữ	6.5	Quản lý đất đai	Chính quy
73	25	Nguyễn Kim Chi	05/12/1997	Nữ	6.4	Quản lý đất đai	Chính quy
74	26	Nguyễn Tuấn Anh	12/05/1995	Nam	6.2	Quản lý đất đai	VLVH
75	27	Nguyễn Phi Ngọc	21/01/1983	Nam	6.0	Quản lý đất đai	VLVH
76	28	Lê Văn Bằng	30/07/1983	Nam	5.7	Quản lý đất đai	Chính quy

3, Liên thông Trung cấp - Đại học

TT		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm xét tuyển	Ngành đăng ký xét tuyển	Hình thức đăng ký xét tuyển
77	1	Vũ Ngọc Dương	13/08/1998	Nam	6.8	Kế toán	Chính quy
78	2	Ka Yéng	01/12/1987	Nữ	7.1	Khoa học cây trồng	VLVH
79	3	Đặng Văn Mạnh	24/07/1977	Nam	6.8	Khoa học cây trồng	Chính quy
80	4	Nguyễn Văn Uyên	17/07/1983	Nam	6.1	Khoa học cây trồng	Chính quy
81	5	Nguyễn Xuân Duy	02/11/1994	Nam	7.3	Quản lý đất đai	VLVH
82	6	Nguyễn Hoài Trung	08/09/1983	Nam	7.2	Quản lý đất đai	VLVH
83	7	Hoàng Quốc Luân	22/11/1983	Nam	7.1	Quản lý đất đai	Chính quy
84	8	Nguyễn Anh Tuấn	05/09/1988	Nam	6.9	Quản lý đất đai	VLVH
85	9	Nguyễn Anh Kha	30/01/1984	Nam	6.5	Quản lý đất đai	VLVH
86	10	Trần Xuân Khánh	28/12/1989	Nam	6.5	Quản lý đất đai	VLVH
87	11	Nguyễn Thị Lệ Thanh	22/01/1981	Nữ	6.4	Quản lý đất đai	VLVH
88	12	Dương Trí Đức	10/06/1985	Nam	6.3	Quản lý đất đai	VLVH
89	13	Hồ Quốc Nam	21/10/1987	Nam	6.3	Quản lý đất đai	VLVH
90	14	Khương Bá An	24/09/1985	Nam	6.1	Quản lý đất đai	VLVH
91	15	Trần Đình Nguyên	07/01/1991	Nam	6.1	Quản lý đất đai	VLVH
92	16	Nhâm Văn Thắng	07/06/1983	Nam	6.1	Quản lý đất đai	VLVH
93	17	Nguyễn Văn Thành	06/05/1992	Nam	5.9	Quản lý đất đai	VLVH
94	18	Đoàn Văn Long	15/06/1994	Nam	7.4	Thú y	Chính quy
95	19	Nguyễn Ngọc Thế	13/11/2003	Nam	6.8	Thú y	Chính quy

(Tổng số 95 thí sinh theo danh sách)